

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHOÁ XIII KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 16 tháng 08 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 1825/UBND-KTN ngày 21 tháng 4 năm 2022 đăng ký bổ sung dự án Đầu tư trụ sở Cục Quản lý thị trường tỉnh vào danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022, số 3013/UBND-KTN ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc đăng ký bổ sung dự án Xây dựng Cụm công nghiệp Ba Động vào danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

1. Danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai (chi tiết theo Biểu 01 và các Biểu từ 1.1 đến 1.11).

2. Danh mục bổ sung công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp theo điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai (chi tiết theo Biểu 02 và các Biểu từ 2.1 đến 2.8).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2022 đối với các công trình theo Biểu 3 và các Biểu từ 3.1 đến 3.6.

2. Điều chỉnh tên công trình, dự án và diện tích đất trồng lúa đăng ký chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo Biểu 4 kèm theo Nghị quyết.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, về sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án (về vị trí, diện tích, loại đất) với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 Tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên – Môi trường;
- Vụ Pháp chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP ĐBĐQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS(02).đta.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Thị Quỳnh Vân**

**Biểu 1:**

**BẢNG TỔNG HỢP  
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| TT | Tên huyện, thành phố,<br>thị xã | Số lượng công<br>trình, dự án | Diện tích quy<br>hoạch (ha) | Ghi chú   |
|----|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------|
| 1  | Huyện Sơn Tịnh                  | 2                             | 2,22                        | Biểu 1.1  |
| 2  | Huyện Tư Nghĩa                  | 3                             | 1,72                        | Biểu 1.2  |
| 3  | Huyện Mộ Đức                    | 1                             | 2,90                        | Biểu 1.3  |
| 4  | Huyện Trà Bồng                  | 1                             | 1,83                        | Biểu 1.4  |
| 5  | Thành phố Quảng Ngãi            | 7                             | 43,22                       | Biểu 1.5  |
| 6  | Huyện Nghĩa Hành                | 2                             | 38,70                       | Biểu 1.6  |
| 7  | Thị xã Đức Phổ                  | 5                             | 82,56                       | Biểu 1.7  |
| 8  | Huyện Bình Sơn                  | 14                            | 200,72                      | Biểu 1.8  |
| 9  | Huyện Ba Tơ                     | 1                             | 1,92                        | Biểu 1.9  |
| 10 | Huyện Lý Sơn                    | 1                             | 16,00                       | Biểu 1.10 |
| 11 | Huyện Sơn Hà                    | 1                             | 0,27                        | Biểu 1.11 |
|    | <b>Tổng</b>                     | <b>38</b>                     | <b>392,06</b>               |           |

Biểu 1.1


**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỊNH**
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| Stt       | Tên công trình, dự án                                                                                    | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã)     | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)        | Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022                                                                                                           | Tổng nguồn vốn đầu tư | Phân bổ kinh phí đầu tư năm 2022 | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                    |                     |                  |                                    | Ghi chú                                                                                                                                                 |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                                          |                   |                           |                                                             |                                                                                                                                                    |                       |                                  | Tổng (triệu đồng)                                | Trong đó             |                    |                     |                  |                                    |                                                                                                                                                         |
|           |                                                                                                          |                   |                           |                                                             |                                                                                                                                                    |                       |                                  |                                                  | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |                                                                                                                                                         |
| (1)       | (2)                                                                                                      | (3)               | (4)                       | (5)                                                         | (6)                                                                                                                                                | (7)                   | (8)                              | (14)=(9)+(10)+(11)+(12)+(13)                     | (9)                  | (10)               | (11)                | (12)             | (13)                               | (14)                                                                                                                                                    |
| 1         | Khắc phục công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Trà Khúc, đoạn qua thôn Hà Tây, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh | 2,20              | Xã Tịnh Hà và xã Tịnh Sơn | - Tịnh Hà: Tờ bản đồ số: 19<br>- Tịnh Sơn: Tờ bản đồ số: 23 | Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021 | 15.000                | 15.000                           | 600                                              |                      | 600                |                     |                  |                                    | Bổ sung KHSD đất                                                                                                                                        |
| 2         | Nhà thờ Thiên Lộc xã Tịnh Hà                                                                             | 0,02              | xã Tịnh Hà                | Tờ bản đồ địa chính số 10                                   | Công văn số 2309/UBND-KT ngày 13/10/2017 của UBND huyện về việc giới thiệu địa điểm đầu tư dự án Nhà thờ Thiên Lộc                                 |                       |                                  |                                                  |                      |                    |                     |                  |                                    | Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 với diện tích 0.27ha, nay đăng ký bổ sung 0,02 ha để thực hiện dự án |
| TỔNG CỘNG |                                                                                                          | 2,20              |                           |                                                             |                                                                                                                                                    | 15.000                | 15.000                           | 600                                              | -                    | 600                | -                   | -                | 0,00                               |                                                                                                                                                         |

Biểu 1.2

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TUYÊN GIÃ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| STT  | Tên công trình, dự án                                                                              | Diện tích (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số) | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                     |                  | Ghi chú |                                    |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------|---------|------------------------------------|
|      |                                                                                                    |                |                       |                                                   |                                                                                                                | Tổng (triệu đồng)                                | Ngân sách Trung ương | Trong đó       |                     |                  |         | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
|      |                                                                                                    |                |                       |                                                   |                                                                                                                |                                                  |                      | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |         |                                    |
| 1    | Nghĩa Trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ                                                                   | 1,5            | Xã Nghĩa Mỹ           | Tờ BĐ số 5, xã Nghĩa Mỹ                           | QĐ 1064 ngày 28/3/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện | 2.520                                            |                      |                | 2.520               |                  |         |                                    |
| 2    | Đường đi vào Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ                                                      | 0,07           | Xã Nghĩa Mỹ           | Tờ BĐ số 5, xã Nghĩa Mỹ                           | QĐ 1064 ngày 28/3/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách huyện |                                                  |                      |                |                     |                  |         | Không bồi thường                   |
| 3    | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường phía Tây và Phía Nam trường Đại học Tài chính Kế toán (phần bổ sung) | 0,15           | thị trấn La Hà        | Tờ BĐ số 11, 12                                   | QĐ số 14344/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phân khai kinh phí (đợt 3) kinh phí sự nghiệp giao thông năm 2021   |                                                  |                      |                |                     |                  |         | Không bồi thường                   |
| Tổng |                                                                                                    | 1,72           |                       |                                                   |                                                                                                                | 2.520                                            |                      |                | 2.520               |                  |         |                                    |

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MỘ ĐỨC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT  | Tên công trình, dự án                                                             | Diện tích quy hoạch | <div>Địa điểm (cấp xã)</div> | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Công văn, chủ trương                                                                                                                             | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                 | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|-----------------|---------|
|      |                                                                                   |                     |                                                                                                               |                                                                                                            |                                                                                                                                                  | Tổng (triệu đồng)                                | Trong đó             |                | Ngân sách huyện |         |
|      |                                                                                   |                     |                                                                                                               |                                                                                                            |                                                                                                                                                  |                                                  | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh |                 |         |
| 1    | Kè chống sạt lở bờ sông Vệ, đoạn qua xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức (xóm A, xã Đức Lợi) | 2,90                | Xã Đức Lợi                                                                                                    | Tờ bản đồ: 02, 03 và 04                                                                                    | Nghị quyết số 41/NQ-HĐND, ngày 25/03/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Mộ Đức; Quyết định số 297/QĐ-UBND, ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi | 27.000                                           |                      | 25.000         | 2.000           |         |
| Tổng |                                                                                   | 2,90                |                                                                                                               |                                                                                                            |                                                                                                                                                  | 27.000                                           |                      | 25.000         | 2.000           |         |

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| STT       | Tên công trình, dự án                                                                      | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                    | Tổng nguồn vốn đầu tư | Dự kiến kinh phí đầu tư năm 2022 | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng) |                      |                    |                     |                  |                                    | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------------|---------|
|           |                                                                                            |                   |                       |                                                      |                                                                                                                                                    |                       |                                  | Tổng (triệu đồng)                                             | Ngân sách Trung ương | Trong đó           |                     |                  |                                    |         |
|           |                                                                                            |                   |                       |                                                      |                                                                                                                                                    |                       |                                  |                                                               |                      | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |         |
| (1)       | (2)                                                                                        | (3)               | (4)                   | (5)                                                  | (6)                                                                                                                                                | (7)                   | (8)                              | (9)=(10)+..... (14)                                           | (10)                 | (11)               | (12)                | (13)             | (14)                               | (15)    |
| 1         | Sửa chữa hư hỏng, khắc phục sạt lở tuyến đường giao thông Eo Chim-Trà Nham, huyện Trà Bông | 1,83              | Hương Trà             | Tờ bản đồ 02,04 và 08 (tỷ lệ 1/5000)                 | Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND huyện Trà Bông về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021 | 2.500                 | 2.500                            |                                                               |                      | 2.500              |                     |                  |                                    |         |
| TỔNG CỘNG |                                                                                            | 1,83              |                       |                                                      |                                                                                                                                                    | 2.500                 | 2.500                            |                                                               |                      | 2.500              |                     |                  |                                    |         |

Biểu 1.5

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)



| Stt | Tên công trình, dự án                                                                                                 | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                                         | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                    |                     |                  |                            | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |                                                                                                                       |                   |                       |                                                      |                                                                                                                                                                         | Tổng (triệu đồng)                                | Ngân sách Trung ương | Trong đó           |                     |                  |                            |         |
|     |                                                                                                                       |                   |                       |                                                      |                                                                                                                                                                         |                                                  |                      | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ |         |
| (1) | (2)                                                                                                                   | (3)               | (4)                   | (5)                                                  | (6)                                                                                                                                                                     | (7)=(8)+..<br>+(12)                              | (8)                  | (9)                | (10)                | (11)             | (12)                       | (13)    |
| 1   | Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ KDC An Phú Sinh đến đường Trần Thủ Độ và đoạn từ Chợ Nông Sản đến đường Trần Khánh Dư) | 1,23              | Phường Nghĩa Chánh    | Tờ bản đồ số 15, 17                                  | Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND thành phố Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự án đường Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Quảng Ngãi                          |                                                  |                      |                    |                     |                  |                            |         |
| 2   | Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Công Phương)                                        | 1,70              | Phường Nghĩa Lộ       | Tờ bản đồ số 3, 4                                    | Quyết định số 7134/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND thành phố về chủ trương đầu tư dự án đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Công Phương) |                                                  |                      |                    |                     |                  |                            |         |

| Stt | Tên công trình, dự án                                     | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã)     | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                             | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                    |                     |                  |                            | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|----------------------------|---------|
|     |                                                           |                   |                           |                                                      |                                                                                                                                                             | Tổng (triệu đồng)                                | Ngân sách Trung ương | Trong đó           |                     |                  |                            |         |
|     |                                                           |                   |                           |                                                      |                                                                                                                                                             |                                                  |                      | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ |         |
| (1) | (2)                                                       | (3)               | (4)                       | (5)                                                  | (6)                                                                                                                                                         | (7)=(8)+..<br>..+(12)                            | (8)                  | (9)                | (10)                | (11)             | (12)                       | (13)    |
| 3   | Đầu tư, nâng cấp trường Trường TH số 1 Trương Quang Trọng | 0,16              | Phường Trương Quang Trọng | Tờ bản đồ số 8                                       | Nghị quyết số 203/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND thành phố Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự Đầu tư, nâng cấp các trường tiểu học trên địa bàn thành phố |                                                  |                      |                    |                     |                  |                            |         |
| 4   | Xây dựng Trường TH & THCS Nghĩa Phú                       | 0,92              | Xã Nghĩa Phú              | Tờ bản đồ số 12                                      | Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 05/11/2021 của HĐND thành phố Quảng Ngãi về chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trường tiểu học và THCS Nghĩa Phú               |                                                  |                      |                    |                     |                  |                            |         |

[illegible]

Biểu 1.6

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| ST<br>T                 | Tên công trình, dự án                                                  | Diện<br>tích quy<br>hoạch | <br>Địa điểm<br>(cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa<br>chính (tờ bản đồ số,<br>thửa số) hoặc vị trí trên<br>bản đồ hiện trạng sử<br>dụng đất cấp xã | Công văn, chủ trương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ,<br>tái định cư |                               |                   | Ghi chú                         |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------------------------------|
|                         |                                                                        |                           |                                                                                                           |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tổng<br>(triệu<br>đồng)                             | Trong đó                      |                   |                                 |
|                         |                                                                        |                           |                                                                                                           |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                     | Ngân<br>sách<br>Trung<br>ương | Ngân<br>sách tỉnh |                                 |
| 1                       | Khu dân cư phía Nam Cụm công<br>nghiệp Đồng Dinh, thị trấn Chợ Chùa    | 33,70                     | thị trấn Chợ<br>Chùa                                                                                      | Tờ bản đồ số 6, 7, 10, 11,<br>12                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                     |                               |                   | Đấu thầu lựa chọn<br>nhà đầu tư |
| 2                       | Tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư Khu<br>dân cư Đồng Tráy, xã Hành Thuận | 5,00                      | xã Hành Thuận                                                                                             | Tờ bản đồ số 11, 12, 13                                                                                                | Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của<br>UBND huyện Nghĩa Hành về chủ trương đầu tư dự<br>án Tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư Khu dân cư<br>Đồng Tráy, xã Hành Thuận; Quyết định số<br>3178/UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện<br>Nghĩa Hành về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư<br>công năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa<br>phương |                                                     |                               |                   |                                 |
| Tổng cộng 02 công trình |                                                                        | 38,70                     |                                                                                                           |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                     |                               |                   |                                 |

Biểu 1.7

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT | Tên công trình, dự án                                                                                            | Diện tích<br>QH (ha) | Địa điểm<br>(đến cấp<br>xã)                              | Vị trí trên bản<br>đồ địa chính<br>(tờ bản đồ số,<br>thửa số) hoặc<br>vị trí trên bản<br>đồ hiện trạng<br>sử dụng đất<br>cấp xã | Chủ trương, Quyết định ghi vốn                                                                                                                                      | Dự kiến kinh phí thực hiện |                               |                          |                           |                                   | Ghi chú |                                             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------------|---------|---------------------------------------------|
|     |                                                                                                                  |                      |                                                          |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                     | Tổng<br>(triệu<br>đồng)    | Trong đó                      |                          |                           |                                   |         |                                             |
|     |                                                                                                                  |                      |                                                          |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                     |                            | Ngân<br>sách<br>Trung<br>ương | Ngân<br>sách<br>cấp tỉnh | Ngân<br>sách<br>cấp huyện | Ngân<br>sách<br>cấp xã,<br>phường |         | Vốn khác<br>(Doanh<br>nghiệp, hỗ<br>trợ...) |
| 1   | Khu dân cư Đồng Cổ Bồng<br>Mã Giản để tái định cư cho<br>đường Huỳnh Công Thiệu<br>nối dài và phát triển quỹ đất | 10,70                | phường Phố<br>Mình                                       | Tờ số 6, 10, 11<br>phường Phố<br>Mình                                                                                           | Quyết định số 14718/QĐ-UBND<br>ngày 30/12/2021 của UBND thị xã<br>Đức Phố về việc giao kế hoạch<br>vốn đầu tư công năm 2022 thuộc<br>nguồn vốn ngân sách cấp thị xã | 100.000                    |                               |                          | 100.000                   |                                   |         |                                             |
| 2   | Đầu tư hệ thống thoát nước<br>khu vực đô thị (từ cầu Bàu<br>đến Sông Rớ)                                         | 20,70                | các phường:<br>Phổ Hòa,<br>Phổ Minh,<br>Nguyễn<br>Nghiêm | Tờ số 4,5,6<br>phường Phổ<br>Hòa; tờ số 29,<br>32 phường<br>Nguyễn<br>Nghiêm; tờ số<br>13,14,16<br>phường Phổ<br>Mình           | Quyết định số 297/QĐ-UBND<br>ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh<br>Quảng Ngãi về việc phân bổ<br>nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh<br>so với HĐND tỉnh giao năm 2021      | 117.800                    |                               | 117.800                  |                           |                                   |         |                                             |
| 3   | Khu tái định cư cho công<br>trình: Kè chống sạt lở bờ các<br>điểm dọc sông Trà Câu                               | 0,90                 | các phường:<br>Phổ Ninh,<br>Phổ Minh                     | tờ số 5 phường<br>Phổ Ninh, tờ số<br>1 phường Phổ<br>Mình                                                                       | Quyết định số 14718/QĐ-UBND<br>ngày 30/12/2021 của UBND thị xã<br>Đức Phố về việc giao kế hoạch<br>vốn đầu tư công năm 2022 thuộc<br>nguồn vốn ngân sách cấp thị xã | 50.000                     |                               |                          | 50.000                    |                                   |         |                                             |

| STT  | Tên công trình, dự án                                                     | Diện tích<br>QH (ha) | Địa điểm<br>(đến cấp<br>xã) | Vị trí trên bản<br>đồ địa chính<br>(tờ bản đồ số,<br>thửa số) hoặc<br>vị trí trên bản<br>đồ hiện trạng<br>sử dụng đất<br>cấp xã | Chủ trương, Quyết định ghi vốn                                           | Dự kiến kinh phí thực hiện |                               |                          |                           |                                   | Ghi chú                            |
|------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|
|      |                                                                           |                      |                             |                                                                                                                                 |                                                                          | Tổng<br>(triệu<br>đồng)    | Trong đó                      |                          |                           |                                   |                                    |
|      |                                                                           |                      |                             |                                                                                                                                 |                                                                          |                            | Ngân<br>sách<br>Trung<br>ương | Ngân<br>sách<br>cấp tỉnh | Ngân<br>sách cấp<br>huyện | Ngân<br>sách<br>cấp xã,<br>phường |                                    |
| 4    | Khu đô thị Đông Phở Minh                                                  | 50,00                | Phường Phở Minh             | Tờ số<br>10,11,12,14,15<br>Phường Phở Minh                                                                                      |                                                                          |                            |                               |                          |                           |                                   | Đấu thầu<br>lựa chọn<br>nhà đầu tư |
| 5    | Đầu tư xây dựng mới và<br>trang thiết bị Trung tâm y tế<br>thị xã Đức Phở | 0,26                 | phường<br>Nguyễn<br>Nghiêm  | Thửa đất 6,7 Tờ<br>số 27                                                                                                        | Công văn số 725/BKHĐT-TH<br>ngày 30/10/2022 của Bộ kế<br>hoạch và đầu tư | 260                        | 260                           |                          |                           |                                   |                                    |
| TỔNG |                                                                           | 82,56                |                             |                                                                                                                                 |                                                                          | 268.060                    | 260                           | 117.800                  | 150.000                   |                                   |                                    |

Biểu 1.8

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| STT | Tên công trình, dự án                       | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                                                                                            | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                     |                  | Ghi chú |                                    |
|-----|---------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------|---------|------------------------------------|
|     |                                             |                   |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                            | Tổng (triệu đồng)                                | Trong đó             |                |                     |                  |         |                                    |
|     |                                             |                   |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                            |                                                  | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |         | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| (1) | (2)                                         | (3)               | (4)                   | (5)                                                                                                        | (6)                                                                                                                                                                                                                        | (7)=(8)+(9)+<br>+(10)+(11)+<br>+(12)             | (8)                  | (9)            | (10)                | (11)             | (12)    | (13)                               |
| 1   | Trường mẫu giáo xã Bình Chương              | 0,25              | xã Bình Chương        | Tờ bản đồ số 10                                                                                            | Quyết định số 1399/QĐ-DKVN ngày 26/3/2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án phân bổ chương trình ASXH năm 2020-2021 của PVN để các đơn vị thành viên hỗ trợ các địa phương, tổ chức trong cả nước. | 250                                              |                      |                | 250                 |                  |         |                                    |
| 2   | Nghĩa trang nhân dân xã Bình Chương         | 2,0               | Bình Chương           | Tờ bản đồ số 12                                                                                            | Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022                                                                                                                                  | 2.000                                            |                      |                | 2.000               |                  |         |                                    |
| 3   | Kè chống sạt lở núi Châu Má thị trấn Châu Ô | 0,75              | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 48                                                                                            | Quyết định số 130/QĐ-UBND về việc ban hành lệnh khẩn cấp xây dựng công trình: khắc phục sạt lở núi Châu Má                                                                                                                 | 8.000                                            |                      | 8.000          |                     |                  |         | Công trình khẩn cấp                |

| STT | Tên công trình, dự án                           | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                                                                                             | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                     |                  | Ghi chú |                                    |
|-----|-------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------|---------|------------------------------------|
|     |                                                 |                   |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                             | Tổng (triệu đồng)                                | Trong đó             |                |                     |                  |         |                                    |
|     |                                                 |                   |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                             |                                                  | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |         | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| 4   | Đường từ ĐT 621 đi Lê Ngung                     | 0,30              | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 12                                                                                            | Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022                                                                                                                                   | 784                                              |                      | 784            |                     |                  |         |                                    |
| 5   | Nhà văn hoá thôn Bình An Nội                    | 0,23              | Xã Bình Chánh         | Tờ bản đồ số 32                                                                                            | Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc phân khai danh mục công trình và giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. | 200                                              |                      |                | 200                 |                  |         |                                    |
| 6   | Trung tâm thể dục thể thao huyện                | 4,99              | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 41                                                                                            | Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 thu hồi đất giao cho UBND huyện Bình Sơn. Đăng ký danh mục thu hồi giao lại cho trung tâm thể dục thể thao                                                                         | 5.000                                            |                      |                | 5.000               |                  |         |                                    |
| 7   | Khu dân cư Bầu Mây                              | 2,03              | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 48; 49; 51; 52                                                                                | Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022                                                                                                                                   | 10.000                                           |                      |                | 10.000              |                  |         |                                    |
| 8   | Khu tái định cư của Đường từ ĐT 621 đi Lê Ngung | 0,09              | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 38                                                                                            | Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023                                                                                                                                   | 90                                               |                      |                | 90                  |                  |         |                                    |

| STT | Tên công trình, dự án                                    | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã)        | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                  | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                     |                  | Ghi chú |                                               |
|-----|----------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------|---------|-----------------------------------------------|
|     |                                                          |                   |                              |                                                                                                            |                                                                                                                                                  | Tổng (triệu đồng)                                | Trong đó             |                |                     |                  |         |                                               |
|     |                                                          |                   |                              |                                                                                                            |                                                                                                                                                  |                                                  | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |         | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)            |
| 9   | Nhà văn hóa thôn Tây Phước 1                             | 0,09              | Xã Bình An                   | Tờ bản đồ số 39                                                                                            | Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc chuyển tài sản công của Trường Mẫu giáo xã Bình An cho UBND xã Bình An | 90                                               |                      |                | 90                  |                  |         |                                               |
| 10  | Khu dân cư chỉnh trang Đông Nam mở rộng thị trấn Châu Ô  | 6,03              | thị trấn Châu Ô              | Tờ bản đồ số 24, 38 và 35                                                                                  | UBND huyện Bình Sơn đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư                                              | 6.000                                            |                      |                | 6.000               |                  |         | UBND tỉnh đã hủy quyết định chủ trương đầu tư |
| 11  | Khu dân cư Ven sông Trà Bồng                             | 86,55             | xã Bình Nguyên và Bình Trung | Tờ bản đồ số 35 và 38 xã Bình Nguyên, Tờ số 2,3 và số 9 xã Bình Trung                                      | UBND huyện Bình Sơn đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư                                              | 86.000                                           |                      |                | 86.000              |                  |         |                                               |
| 12  | Khu dân cư Kè Nam Sông Trà Bồng                          | 90,0              | thị trấn Châu Ô              | Tờ bản đồ số 48, 49 và 52 thị trấn châu ô                                                                  | UBND huyện Bình Sơn đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư                                              | 90.000                                           |                      |                | 90.000              |                  |         |                                               |
| 13  | Khu thương mại dịch vụ xã Bình Dương-Bình Sơn Quảng Ngãi | 6,91              | xã Bình Dương                | Tờ bản đồ số 8 và 9 xã Bình Dương                                                                          | UBND huyện Bình Sơn đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư                                              | 69.000                                           |                      |                | 69.000              |                  |         |                                               |

| STT | Tên công trình, dự án                                                                                                     | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                                                                                                                               | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                     |                  | Ghi chú |                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------|---------|------------------------------------|
|     |                                                                                                                           |                   |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                               | Tổng (triệu đồng)                                | Trong đó             |                |                     |                  |         |                                    |
|     |                                                                                                                           |                   |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                  | Ngân sách Trung ương | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |         | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
| 14  | Hạng mục các tuyến cống thoát nước mưa dự án Khu dân cư Kè Bắc sông Trà Bồng đầu nối qua dự án Đường kè Bắc sông Trà Bồng | 0,50              | xã Bình Trung         | Tờ bản đồ số 3                                                                                             | Công văn số 3297 /UBND-XD ngày 26 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc thỏa thuận vị trí đầu nối và thi công xây dựng hạng mục các tuyến cống thoát nước mưa dự án Khu dân cư Kè Bắc sông Trà Bồng đầu nối qua dự án Đường kè Bắc sông Trà Bồng. | 500                                              |                      |                | 500                 |                  |         | (vốn Doanh nghiệp)                 |
|     | Tổng cộng                                                                                                                 | 200,72            |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                               | 277.914                                          |                      | 8.784          | 269.130             |                  |         |                                    |

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

[illegible]

Biểu 1.10


**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN LÝ SƠN**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| Stt       | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | <div></div> Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) | Chủ trương, quyết định, ghi vốn | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |     |                      |                    |                     |                  | Ghi chú                      |
|-----------|-----------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|-----|----------------------|--------------------|---------------------|------------------|------------------------------|
|           |                       |                   |                                                                                                                    |                                                      |                                 | Tổng (triệu đồng)                                |     | Trong đó             |                    |                     |                  |                              |
|           |                       |                   |                                                                                                                    |                                                      |                                 |                                                  |     | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |                              |
| (1)       | (2)                   | (3)               | (4)                                                                                                                | (5)                                                  | (6)                             | (7)=(8)+...+(12)                                 | (8) | (9)                  | (10)               | (11)                | (12)             | (13)                         |
| 1         | Khu dân cư Rừng Nhợ   | 16,00             | xã An Hải, huyện Lý Sơn                                                                                            | Tờ số 24,53,54,57,58 xã An Hải, huyện Lý Sơn         |                                 | 86.094                                           |     |                      |                    |                     | 86.094           | Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư |
| TỔNG CỘNG |                       | 16,00             |                                                                                                                    |                                                      |                                 | 86.094                                           |     |                      |                    |                     | 86.094           |                              |

Biểu 1.11

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SON HÀ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT  | Tên công trình, dự án                                | Diện tích<br>(ha) | Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính<br>(tờ bản đồ, thửa số) | Chủ trương, quyết định, ghi vốn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư |                      |                |                     |                  | Ghi chú |                                    |
|------|------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|---------------------|------------------|---------|------------------------------------|
|      |                                                      |                   |                          |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tổng (triệu đồng)                                | Ngân sách Trung ương | Trong đó       |                     |                  |         | Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) |
|      |                                                      |                   |                          |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                  |                      | Ngân sách tỉnh | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách cấp xã |         |                                    |
| 1    | Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi | 0,27              | thị trấn Di Lăng         | Trích đo địa chính                                   | Quyết định số 1498/QĐ-BHXXH ngày 24/11/2020 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 1170/QĐ-BHXXH ngày 20/5/2022 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt và giao kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư năm 2022 (đợt 1) | 1,000                                            |                      |                |                     |                  | 1,000   |                                    |
| Tổng |                                                      | 0,27              |                          |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1,000                                            |                      |                |                     |                  |         |                                    |

Biểu 2:



**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA,**  
**ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CẤP**  
**HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| TT   | Tên huyện, thành phố, thị xã | Số lượng công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Trong đó               |                        | Ghi chú  |
|------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|----------|
|      |                              |                            |                          | Diện tích đất Lúa (ha) | Diện tích đất RPH (ha) |          |
| 1    | Huyện Tư Nghĩa               | 1                          | 0,07                     | 0,07                   |                        | Biểu 2.1 |
| 2    | Huyện Mộ Đức                 | 2                          | 8,52                     |                        | 0,25                   | Biểu 2.2 |
| 3    | Huyện Trà Bồng               | 4                          | 5,32                     | 1,74                   |                        | Biểu 2.3 |
| 4    | Thành phố Quảng Ngãi         | 4                          | 5,44                     | 1,97                   |                        | Biểu 2.4 |
| 5    | Huyện Nghĩa Hành             | 1                          | 0,21                     | 0,21                   |                        | Biểu 2.5 |
| 6    | Thị xã Đức Phổ               | 17                         | 16,08                    | 10,51                  |                        | Biểu 2.6 |
| 7    | Huyện Bình Sơn               | 3                          | 2,37                     | 1,93                   |                        | Biểu 2.7 |
| 8    | Huyện Ba Tơ                  | 4                          | 96,28                    | 5,66                   | 0,5                    | Biểu 2.8 |
| Tổng |                              | 36                         | 134,29                   | 22,09                  | 0,75                   |          |

**Biểu 2.1****DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| STT         | Tên công trình, dự án                            | Diện tích<br>(ha) | Trong đó                     |                              | Địa điểm<br>(đến cấp<br>xã) | Vị trí trên bản đồ<br>địa chính (tờ bản<br>đồ, thửa số) | Ghi chú |
|-------------|--------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|             |                                                  |                   | Diện tích<br>đất LƯA<br>(ha) | Diện tích<br>đất RPH<br>(ha) |                             |                                                         |         |
| 1           | Đường đi vào Nghĩa trang nhân dân xã<br>Nghĩa Mỹ | 0,07              | 0,07                         |                              | Xã Nghĩa<br>Mỹ              | Tờ BĐ số 5, xã<br>Nghĩa Mỹ                              |         |
| <b>Tổng</b> |                                                  | <b>0,07</b>       | <b>0,07</b>                  |                              |                             |                                                         |         |

## Biểu 2.2

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP  
NĂM 2022 HUYỆN MỘC ĐỨC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| Stt                            | Tên công trình, dự án                                                              | Diện tích<br>quy<br>hoạch<br>(ha) | Trong đó                     |                              | Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính<br>(tờ bản đồ số, thửa số)<br>hoặc vị trí trên bản đồ hiện<br>trạng sử dụng đất cấp xã | Ghi chú |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                |                                                                                    |                                   | Diện tích<br>đất Lúa<br>(ha) | Diện tích<br>đất RPH<br>(ha) |                          |                                                                                                                     |         |
| (1)                            | (2)                                                                                | (3)                               | (4)                          | (5)                          | (6)                      | (7)                                                                                                                 | (8)     |
| 1                              | Nâng cấp sửa chữa Hồ chứa nước Lỗ Thùng, xã Đức Phú                                | 5,62                              | 0,00                         | 0,03                         | Xã Đức Phú, Xã Đức Hòa   | Tờ bản đồ số 32 xã Đức Phú                                                                                          |         |
| 2                              | Kè chống sạt lở bờ sông Vệ, đoạn qua xã Đức Lợi, huyện Mộc Đức (xóm A, xã Đức Lợi) | 2,90                              | 0,00                         | 0,22                         | Xã Đức Lợi               | Tờ bản đồ: 02, 03 và 04                                                                                             |         |
| <b>Tổng cộng 02 công trình</b> |                                                                                    | <b>8,52</b>                       | <b>0,00</b>                  | <b>0,25</b>                  |                          |                                                                                                                     |         |

Biểu 2.3

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN TRÀ BỒNG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| STT         | Tên công trình, dự án                                                                 | Diện tích<br>QH (ha) | Trong đó                     |                              | Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Vị trí trên BĐ địa chính (tờ BĐ<br>số, thửa số) hoặc vị trí trên BĐ<br>hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Ghi chú                             |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|             |                                                                                       |                      | Diện tích<br>đất LƯA<br>(ha) | Diện tích<br>đất RPH<br>(ha) |                          |                                                                                                      |                                     |
| (1)         | (2)                                                                                   | (3)                  | (4)                          | (5)                          | (6)                      | (7)                                                                                                  | (8)                                 |
| 1           | Nhà máy chế biến gỗ Nhất Hưng Trà Bồng                                                | 2,39                 | 0,9                          |                              | Trà Bình                 | Tờ bản đồ số 42                                                                                      | KH 2021 bổ sung;<br>QĐ 1069/QĐ-UBND |
| 2           | Khu công viên cây xanh thị trấn Trà Xuân; Hạng mục bồi<br>thường, giải phóng mặt bằng | 1,00                 | 0,67                         |                              | TT Trà Xuân              | Tờ bản đồ số 17                                                                                      | KH 2021 bổ sung;<br>QĐ 1069/QĐ-UBND |
| 3           | Kè chống sạt lở trường Tiểu học Trà Thanh                                             | 0,09                 | 0,03                         |                              | Trà Thanh                | Tờ bản đồ số 07 (bản đồ lập theo<br>QĐ 245/QĐ-UBND ngày<br>28/12/2012)                               | KH 2021 bổ sung;<br>QĐ 1069/QĐ-UBND |
| 4           | Tuyến đường vào và hạ tầng cụm công nghiệp thị trấn Trà<br>Xuân                       | 1,84                 | 0,14                         |                              | TT Trà Xuân              | Tờ bản đồ số 09 và 19                                                                                | KH 2021 bổ sung;<br>QĐ 1069/QĐ-UBND |
| <b>TỔNG</b> |                                                                                       | <b>5,32</b>          | <b>1,74</b>                  | <b>0,00</b>                  |                          |                                                                                                      |                                     |

Biểu 2.4

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP BỔ SUNG NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| Stt              | Tên công trình, dự án                                                                                                                           | Diện tích quy hoạch (ha) | Trong đó               |                        | Địa điểm (đến cấp xã)     | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Ghi chú |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                  |                                                                                                                                                 |                          | Diện tích đất LƯA (ha) | Diện tích đất RPH (ha) |                           |                                                                                                            |         |
| (1)              | (2)                                                                                                                                             | (3)                      | (4)                    | (5)                    | (6)                       | (7)                                                                                                        | (8)     |
| 1                | Đầu tư, nâng cấp trường Trường TH số 1 Trương Quang Trọng                                                                                       | 0,16                     | 0,06                   |                        | Phường Trương Quang Trọng | Tờ bản đồ số 8                                                                                             |         |
| 2                | Xây dựng Trường TH & THCS Nghĩa Phú                                                                                                             | 0,92                     | 0,65                   |                        | Xã Nghĩa Phú              | Tờ bản đồ số 12                                                                                            |         |
| 3                | Khu tái định cư xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi phục vụ GPMB dự án Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh                                    | 3,20                     | 0,10                   |                        | xã Tịnh Ấn Tây            | Tờ bản đồ số 6, 7                                                                                          |         |
| 4                | Khu tái định cư xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi phục vụ GPMB dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1 (bổ sung) | 1,16                     | 1,16                   |                        | Xã Nghĩa Hà               | Tờ bản đồ số 17, 18                                                                                        |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                                                                                 | <b>5,44</b>              | <b>1,97</b>            | <b>0</b>               |                           |                                                                                                            |         |

Biểu 2.5

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| Stt         | Tên công trình, dự án              | Diện tích quy hoạch (ha) | Trong đó               |                        | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Ghi chú |
|-------------|------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|             |                                    |                          | Diện tích đất Lúa (ha) | Diện tích đất RPH (ha) |                       |                                                                                                            |         |
| (1)         | (2)                                | (3)                      | (4)                    | (5)                    | (6)                   | (7)                                                                                                        | (8)     |
| 1           | Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Quỳnh Thu | 0,21                     | 0,21                   |                        | xã Hành Phước         | Tờ bản đồ số 21                                                                                            |         |
| <b>Tổng</b> |                                    | <b>0,21</b>              | <b>0,21</b>            |                        |                       |                                                                                                            |         |

Biểu 2.6

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT | Tên công trình, dự án                                                        | Diện tích QH<br>(ha) | Trong đó                     |                              | Địa điểm<br>(đến cấp xã)        | Vị trí trên bản đồ địa<br>chính (tờ bản đồ số, thửa<br>số) hoặc vị trí trên bản đồ<br>hiện trạng sử dụng đất cấp<br>xã | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                              |                      | Diện tích đất<br>LUA<br>(ha) | Diện tích đất<br>RPH<br>(ha) |                                 |                                                                                                                        |         |
| (1) | (2)                                                                          | (3)                  | (4)                          | (5)                          | (6)                             | (7)                                                                                                                    | (8)     |
| 1   | Nhà văn hóa TDP 1                                                            | 0,04                 | 0,04                         |                              | Phường Phổ Minh                 | Tờ BĐ số 5                                                                                                             |         |
| 2   | Nhà văn hóa TDP 3                                                            | 0,09                 | 0,09                         |                              | Phường Phổ Minh                 | Tờ BĐ số 13                                                                                                            |         |
| 3   | KDC vùng lõm                                                                 | 0,98                 | 0,56                         |                              | Phường Phổ Ninh                 | Tờ BĐ số 6,3,7,12,15                                                                                                   |         |
| 4   | Tuyến đường Quốc lộ 1A - Bến Bè (ĐH.43);<br>Lý trình: Km2+688 - Km4 + 750,46 | 2,20                 | 0,01                         |                              | Phường Phổ Ninh, xã Phổ<br>Nhơn | bản đồ địa chính số 8,9,10<br>phường Phổ Ninh; bản đồ<br>địa chính số 14,22 xã Phổ<br>Nhơn                             |         |
| 5   | Đường Phổ Thuận - Phổ Nhơn (ĐH.42D)<br>(giai đoạn 2)                         | 2,20                 | 0,36                         |                              | Xã Phổ Thuận, xã Phổ Nhơn       | bản đồ địa chính số 27 xã<br>Phổ Thuận, bản đồ địa<br>chính số 7 xã Phổ Nhơn                                           |         |
| 6   | Khắc phục khẩn cấp để chống sạt lở bờ suối<br>Biện Nhĩ                       | 0,69                 | 0,07                         |                              | Xã Phổ Phong                    | Tờ BĐ số 39,50                                                                                                         |         |
| 7   | Cửa hàng xăng dầu Đức Phố                                                    | 0,55                 | 0,55                         |                              | Phường Phổ Minh                 | Tờ BĐ số 4                                                                                                             |         |
| 8   | Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Minh Cường 2                                        | 0,67                 | 0,67                         |                              | Phường Phổ Minh                 | Tờ BĐ số 10                                                                                                            |         |
| 9   | Khu thương mại dịch vụ Nguyệt Vy                                             | 2,23                 | 2,23                         |                              | Phường Phổ Minh                 | Tờ BĐ số 16,17                                                                                                         |         |
| 10  | Trụ sở việc công an phường                                                   | 0,26                 | 0,26                         |                              | phường Phổ Ninh                 | TBĐ số 5                                                                                                               |         |

| STT              | Tên công trình, dự án                                              | Diện tích QH<br>(ha) | Trong đó                     |                              | Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa<br>chính (tờ bản đồ số, thửa<br>số) hoặc vị trí trên bản đồ<br>hiện trạng sử dụng đất cấp<br>xã | Ghi chú |  |
|------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--|
|                  |                                                                    |                      | Diện tích đất<br>LUA<br>(ha) | Diện tích đất<br>RPH<br>(ha) |                          |                                                                                                                        |         |  |
| 11               | Cửa hàng xăng dầu Phở Ninh                                         | 0,21                 | 0,21                         |                              | Phường Phở Ninh          | Tờ BĐ số 17                                                                                                            |         |  |
| 12               | Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Đức Phở                               | 0,62                 | 0,62                         |                              | Phường Phở Ninh          | Tờ BĐ số 5                                                                                                             |         |  |
| 13               | Cửa hàng xăng dầu Phở Vinh                                         | 0,19                 | 0,01                         |                              | Phường Phở Vinh          | Tờ BĐ số 17                                                                                                            |         |  |
| 14               | Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Thanh Xuân 03                             | 0,34                 | 0,34                         |                              | Phường Phở Vinh          | Tờ BĐ số 17                                                                                                            |         |  |
| 15               | Cửa hàng xăng Hưng Long                                            | 0,55                 | 0,24                         |                              | Xã Phở Châu              | Tờ BĐ số 28                                                                                                            |         |  |
| 16               | Trung tâm dịch vụ đăng kiểm ô tô và sát<br>hạch lái xe Đất Quảng 2 | 3,87                 | 3,87                         |                              | Xã Phở Thuận             | Tờ bản đồ số 1,4,9                                                                                                     |         |  |
| 17               | Trụ sở làm việc công an phường                                     | 0,39                 | 0,39                         |                              | Phường Phở Thạnh         | Tờ bản đồ số 24                                                                                                        |         |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                    | <b>16,08</b>         | <b>10,51</b>                 |                              |                          |                                                                                                                        |         |  |

Biểu 2.7

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT | Tên công trình, dự án                           | Diện tích quy hoạch (ha) | Trong đó               |                        | Địa điểm (đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | GHI CHÚ                                                                                                                                            |
|-----|-------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                 |                          | Diện tích đất Lúa (ha) | Diện tích đất RPH (ha) |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                    |
| (1) | (2)                                             | (3)                      | (4)                    | (5)                    | (6)                   | (7)                                                                                                        | (8)                                                                                                                                                |
| 1   | Khu dân cư Bầu Mây                              | 2,03                     | 1,70                   |                        | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 48; 49; 51; 52                                                                                | Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư khu dân cư Bầu Mây, xã Bình Thới.           |
| 2   | Khu tái định cư của Đường từ ĐT 621 đi Lê Ngung | 0,09                     | 0,09                   |                        | thị trấn Châu Ô       | Tờ bản đồ số 38                                                                                            | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của HĐND huyện Bình Sơn về việc thống nhất chủ trương đầu tư thực hiện dự án: Đường từ ĐT 621 đi Lê Ngung |
| 3   | Trường mẫu giáo xã Bình Chương                  | 0,25                     | 0,14                   |                        | xã Bình Chương        | Tờ bản đồ số 10                                                                                            |                                                                                                                                                    |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>2,37</b>              | <b>1,93</b>            | <b>0,00</b>            |                       |                                                                                                            |                                                                                                                                                    |

Biểu 2.8

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TRONG NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| Stt | Tên công trình, dự án              | Diện tích QH (ha) | Trong đó               |                        | Địa điểm (đến cấp xã)          | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã                      | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|------------------------------------|-------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                    |                   | Diện tích đất LƯA (ha) | Diện tích đất RPH (ha) |                                |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| (1) | (2)                                | (3)               | (4)                    | (5)                    | (6)                            | (7)                                                                                                                             | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1   | Đường điện 22KV - thủy điện BoKo 2 | 13,90             | 3,30                   | 0,5                    | Xã Ba Xa, xã Ba Vi, xã Ba Tiêu | Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/1000 và BĐLN 1/5000 các xã Ba Xa, Ba Vi và Ba Tiêu                                                              | Đã được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh nhưng chưa được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa và rừng phòng hộ (Điều chỉnh thông tin về diện tích QH từ 8,7 ha thành 13,9 ha theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh); Nay xin đăng ký mới 3,30 ha đất lúa và 0,5 ha đất rừng phòng hộ để có cơ sở hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định |
| 2   | Thủy điện Ba Vi                    | 81,73             | 2,26                   |                        | Xã Ba Tiêu, xã Ba Ngạc         | Tờ 1,2, 3, 4, 6, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 22, 23, 30 BĐĐC xã Ba Tiêu và tờ 4, 8, 9, 34, 41, 42, 49, 54 BĐĐC xã Ba Ngạc | Đã được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa với diện tích 0,7 ha tại NQ số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 và NQ số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 (Điều chỉnh thông tin về diện tích quy hoạch từ 73,44 ha thành 81,73 ha theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh); nay xin đăng ký bổ sung 2,26 ha đất lúa để có cơ sở hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định            |

| Stt | Tên công trình, dự án               | Diện tích QH<br>(ha) | Trong đó                  |                           | Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                     |                      | Diện tích đất LUA<br>(ha) | Diện tích đất RPH<br>(ha) |                          |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| (1) | (2)                                 | (3)                  | (4)                       | (5)                       | (6)                      | (7)                                                                                                        | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 3   | Kiên cố hóa kênh Mang Mít           | 0,23                 | 0,03                      |                           | xã Ba Thành              | Tờ BĐĐC số 22, 32 (Tỷ lệ 1/1000) và Tờ BĐĐC số 5 (Tỷ lệ 1/5000), xã Ba Thành                               | Đã được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa với diện tích 0,06 ha tại NQ số 02/2020/NQ-HĐND ngày 28/04/2020 và Điều chỉnh diện tích quy hoạch từ 0,22 ha thành 0,23 ha theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh; nay xin đăng ký bổ sung 0,03 ha để có cơ sở hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định |
| 4   | Trụ sở làm việc UBND thị trấn Ba Tơ | 0,42                 | 0,07                      |                           | Thị trấn Ba Tơ           | Tờ BĐĐC số 12 (Tỷ lệ 1/1000) và Tờ BĐĐC số 13 (Tỷ lệ 1/2000), thị trấn Ba Tơ                               | Đã được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa 0,34 ha tại NQ số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 và Điều chỉnh thông tin về diện tích quy hoạch từ 0,35 ha thành 0,42 ha theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh; nay xin đăng ký bổ sung 0,07 ha để có cơ sở hoàn thiện thủ tục đất đai theo quy định  |
|     | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>96,28</b>         | <b>5,66</b>               | <b>0,50</b>               |                          |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

**Biểu 3:**

**BẢNG TỔNG HỢP  
CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN  
TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| TT          | Tên huyện, thành phố, thị xã | Số lượng công trình, dự án | Diện tích quy hoạch (ha) | Ghi chú  |
|-------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|----------|
| 1           | Huyện Sơn Tịnh               | 2                          | 2,06                     | Biểu 3.1 |
| 2           | Huyện Mộ Đức                 | 1                          | 2,41                     | Biểu 3.2 |
| 3           | Thành phố Quảng Ngãi         | 4                          | 22,88                    | Biểu 3.3 |
| 4           | Thị xã Đức Phổ               | 2                          | 17,93                    | Biểu 3.4 |
| 5           | Huyện Sơn Hà                 | 1                          | 57,83                    | Biểu 3.5 |
| 6           | Huyện Nghĩa Hành             | 1                          | 6,1                      | Biểu 3.6 |
| <b>Tổng</b> |                              | <b>11</b>                  | <b>109,21</b>            |          |

Biểu 3.1

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN  
TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỊNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| Stt              | Tên công trình, dự án                                               | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã)                 | Trong đó    |              |             |             | Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú                               |
|------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|-------------|--------------|-------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|                  |                                                                     |                   |                                       | Đã thu hồi  | Chưa thu hồi | Đã giao     | Chưa giao   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |
| 1                | Đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleiku 2 đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi | 1,79              | xã Tịnh Hiệp, Tịnh Đông và Tịnh Giang | 1,79        | 0,00         | 0,00        | 1,79        | Ban QLDA các công trình điện Miền Trung đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xin chuyển mục đích và thuê đất của Dự án, hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh đang trong quá trình thẩm định hồ sơ nên chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng đất và cho Chủ đầu tư thuê đất                                      | Kế hoạch sử dụng đất bổ sung năm 2017 |
| 2                | Nhà thờ Thiên Lộc xã Tịnh Hà                                        | 0,27              | xã Tịnh Hà                            | 0,17        | 0,12         | 0,00        | 0,29        | UBND tỉnh đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 591/TB-UBND ngày 22/11/2021, hiện nay BQL DA ĐTXD&PTQĐ huyện đã tổ chức kiểm kê xong, đang lập thủ tục về đất đai và giải quyết kiến nghị của Nhà thờ Phú Hoà tại Đơn kiến nghị ngày 04/5/2022. Đồng thời xin điều chỉnh tăng 0,02ha so với Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 để phù hợp với thực tế | Kế hoạch sử dụng đất năm 2018         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                     | <b>2,06</b>       | <b>0,00</b>                           | <b>1,96</b> | <b>0,12</b>  | <b>0,00</b> | <b>2,08</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                       |

Biểu 3.2

1/1

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN MỘ ĐỨC**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT                            | Tên công trình, dự án                                               | Địa điểm (đến cấp xã)   | Diện tích QH (ha) | Trong đó    |              | Tình hình giao đất |             | Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------|--------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                |                                                                     |                         |                   | Đã thu hồi  | Chưa thu hồi | Đã giao            | Chưa giao   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |
| 1                              | Khu TMDV Bắc cửa hàng xăng dầu Quán Lát (đấu giá quyền sử dụng đất) | Xã Đức Chánh, Đức Nhuận | 2,41              | 0,00        | 2,41         | 0,00               | 2,41        | Dự án được phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019. Hiện tại, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mộ Đức đã tổ chức kê khai, kiểm kê xong và đã phối hợp với UBND xã Đức Chánh, Đức Nhuận triển khai niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (dự kiến). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai công tác bồi thường gặp nhiều khó khăn: Có rất nhiều mồ mả, đa số là mộ vô chủ; phối hợp với các ngành, địa phương giải quyết tranh chấp, khiếu nại để làm cơ sở xác định nguồn gốc đất đúng theo quy định; trong quá trình thực hiện phát sinh quy hoạch chưa phù hợp với thực tế nên cần phải điều chỉnh dẫn đến công tác thẩm định bản đồ kéo dài... Do đó, đến nay chưa thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đồng thời, đến năm 2022 thì công trình đã hết thời hạn thực hiện Kế hoạch sử dụng đất. Nay, để có cơ sở tiếp tục thực hiện công trình, kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi trình HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trong năm 2022 | 2019    |
| <b>Tổng cộng 01 công trình</b> |                                                                     |                         | <b>2,41</b>       | <b>0,00</b> | <b>2,41</b>  | <b>0,00</b>        | <b>2,41</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |

Biểu 3.3

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| Stt                                               | Tên công trình, dự án                                                                                                      | Diện tích<br>QH<br>(ha) | Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Trong đó      |                 | Tình hình giao |             | Lý do xin tiếp tục<br>thực hiện trong năm<br>2022                              | Ghi chú                                                                 |
|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------|-----------------|----------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|                                                   |                                                                                                                            |                         |                          | Đã thu<br>hồi | Chưa thu<br>hồi | Đã giao        | Chưa giao   |                                                                                |                                                                         |
| (1)                                               | (2)                                                                                                                        | (3)                     | (4)                      | (5)           | (6)             | (7)            | (8)         | (9)                                                                            | (10)                                                                    |
| <b>I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước</b> |                                                                                                                            |                         |                          |               |                 |                |             |                                                                                |                                                                         |
| 1                                                 | Dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh | 10,47                   | Xã Tịnh Kỳ               | 10,21         | 0,26            | 7,08           | 3,39        | Để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022 |                                                                         |
| 2                                                 | Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ                                                                         | 9,25                    | Xã Tịnh Kỳ               | 1,32          | 7,93            |                |             | Để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022 | Theo Công văn số 2143/UBND-NNTN ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi |
| 3                                                 | Văn phòng làm việc của Ban đại diện Tin lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Quảng Ngãi                                           | 0,15                    | xã Nghĩa Đông            |               | 0,15            |                |             | Để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022 |                                                                         |
| 4                                                 | Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nà                                                                                        | 3,01                    | Xã Tịnh Ấn Đông          |               |                 |                |             | Để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022 |                                                                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  |                                                                                                                            | <b>22,88</b>            |                          | <b>11,53</b>  | <b>8,34</b>     | <b>7,08</b>    | <b>3,39</b> |                                                                                |                                                                         |

Biểu 3.4

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| STT                                              | Tên công trình, dự án                                                    | <br>Địa điểm<br>(đến cấp xã) | Diện tích<br>QH<br>(ha) | Trong đó   |                 |         |           | Lý do xin tiếp tục<br>thực hiện trong năm<br>2022                                    | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|-----------------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                  |                                                                          |                                                                                                               |                         | Đã thu hồi | Chưa<br>thu hồi | Đã giao | Chưa giao |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                           |
| I/ Công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước |                                                                          |                                                                                                               |                         |            |                 |         |           |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                                                | Xây dựng tuyến đê biển thôn<br>Thanh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện<br>Đức Phổ | Phường Phổ Thạnh,<br>thị xã Đức Phổ                                                                           | 14,09                   | 12,63      | 1,46            |         | 14,09     | Tiếp tục thực hiện công<br>tác bồi thường, thu hồi<br>và giao đất thực hiện<br>dự án | Đăng ký kế hoạch sử dụng đất<br>năm 2019 tại Biểu 1.6 kèm theo<br>Quyết định số 359/QĐ-UBND<br>ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh;<br>điều chỉnh thông tin tại Biểu 3<br>kèm theo Quyết định số 777/QĐ-<br>UBND ngày 27/8/2021 của<br>UBND tỉnh |
| II/ Công trình ngoài ngân sách                   |                                                                          |                                                                                                               |                         |            |                 |         |           |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                                                | KDC An Phát Đạt và chỉnh trang<br>đô thị xã Phổ Hòa                      | xã Phổ Hòa                                                                                                    | 3,84                    | 3,00       | 0,84            | 3,00    | 0,84      |                                                                                      | 2018                                                                                                                                                                                                                                      |
| Tổng Cộng                                        |                                                                          |                                                                                                               | 17,93                   | 15,63      | 2,30            | 3,00    | 14,93     |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                           |

Biểu 3.5

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)*

| Stt         | Tên công trình, dự án | Diện tích QH (ha) | Địa điểm (đến cấp xã)                         | Trong đó   |              |         |           | Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú |
|-------------|-----------------------|-------------------|-----------------------------------------------|------------|--------------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|             |                       |                   |                                               | Đã thu hồi | Chưa thu hồi | Đã giao | Chưa giao |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |
| 1           | Thủy điện Trà Khúc 2  | 57,830            | xã Sơn Giang,<br>xã Sơn Thành,<br>xã Sơn Linh |            | 57,830       |         | 57,830    | Dự án được phê duyệt danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 huyện Sơn Hà được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 02/3/2021. Xin tiếp tục thực hiện để thực hiện công tác bồi thường, GPMB cho dự án |         |
| <b>Tổng</b> |                       | <b>57,830</b>     |                                               |            |              |         |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |

Biểu 3.6

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN  
TRONG NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

| Stt              | Tên công trình, dự án   | Diện tích<br>QH (ha) | Địa điểm<br>(đến<br>cấp xã) | Trong đó      |                 |         |              | Lý do xin tiếp tục thực hiện<br>trong năm 2022                                                 | Ghi chú |
|------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------------|---------------|-----------------|---------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                  |                         |                      |                             | Đã thu<br>hồi | Chưa<br>thu hồi | Đã giao | Chưa<br>giao |                                                                                                |         |
| 1                | Khu dân cư Bắc Cầu Kênh | 6,1                  | xã Hành<br>Thuận            |               |                 |         |              | Xin tiếp tục thực hiện trong năm<br>2022 để thực hiện đấu giá, đấu<br>thầu lựa chọn nhà đầu tư |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                         | <b>6,10</b>          |                             |               |                 |         |              |                                                                                                |         |

### Biểu 4

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN ĐIỀU CHỈNH TÊN VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh)

[illegible]